

Bản án số: 138/2021/HS-ST
Ngày 25-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thảo;

2/ Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/HSST-QĐ ngày 09/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 18/2021/TB-HS ngày 08/10/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1990 tại Sóc Trăng; thường trú: ấp X, xã H, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978; có chồng tên Lê Văn D1, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 03/12/2020. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1993 tại Bình Phước; thường trú: tổ 11, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; tạm trú: khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 08/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1963 và bà Dương Thị L, sinh năm 1964; có chồng tên Phùng Duy D2, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2014; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 19/3/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Bình Phước xử phạt 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HSST. Ngày 09/12/2020 đã đóng phạt xong.

Bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 03/12/2020. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Lâm Thị H, sinh năm 1967 tại Sóc Trăng; thường trú: ấp Đ, xã H, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1937 và bà Hà Thị S, sinh năm 1937; có chồng tên Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1967 (đã chết) và 04 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 03/12/2020. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Phạm Thị Hồng Th, sinh năm 1988 tại Bình Phước; thường trú: ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; tạm trú: khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Dương Thị Ph, sinh năm 1960; có chồng tên Mai Thành L1, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 03/12/2020. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978 tại Sóc Trăng; thường trú: ấp Đ, xã H, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị R; có chồng tên Nguyễn Văn P, sinh năm 1972 và 01 con sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 03/12/2020. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trương Văn Th1, sinh năm 1992; thường trú: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kiều T là con ruột của Nguyễn Ngọc D. T, Nguyễn Thị Tr, Phạm Thị Hồng Th và Lâm Thị H quen biết nhau.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, khi đang ngồi chơi tại nhà trọ của D thuộc khu phố 6, phường U, thị xã T, T gọi điện thoại rủ Nguyễn Thị Tr cùng với L2 và H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) đến đánh bài tứ sắc thắng thua bằng tiền. T đi bộ đến tiệm tạp hóa gần đó mua 10 bộ bài tứ sắc rồi cùng chơi với Tr, H1, L2, mỗi ván thắng thua từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Th gọi điện thoại cho Tr, Tr nói đang chơi tại nhà trọ của D nên Th điều khiển xe mô tô biển số 93C1-25726 đến nhà trọ của D để chơi. Khi đến, Th thấy Tr, T, H1, L2 đang đánh bài tứ sắc thắng thua bằng tiền, một lúc sau H1 nghỉ và đi về nên Th vào thế chỗ của H1 cùng chơi với Tr, T, L2. Đến khoảng 12 giờ, L2 nghỉ không chơi nữa để đi về quê nên T gọi điện thoại cho H đến đánh thay cho L2. H đến chơi với Tr, T, Th. Trong lúc cả 04 đang ngồi chơi, D ngồi kế bên xem, do T thua hết tiền nên mượn D 200.000 đồng để tiếp tục chơi đánh bạc, D đồng ý. Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 23/11/2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại nhà trọ của D có đánh bạc thắng thua bằng tiền, Công an phường U tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Tr, T, H, Th đang đánh bạc thắng thua bằng tiền, thu giữ tiền tang tại chiếu bạc 3.200.000 đồng và mời tất cả về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Tr, Th, T, H đều thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc, đồng thời D cũng thừa nhận hành vi cho T mượn 200.000 đồng để sử dụng đánh bạc tại nhà trọ của D.

Công an phường U tiến hành thu giữ: 10 bộ bài tứ sắc; 01 điện thoại di động OPPO F9, màu đỏ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu xanh, biển số 36B7-800.06 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kiều T; 01 điện thoại di động Samsung A50, màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển số 93C1-257.26; số tiền 2.430.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Hồng Th; 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno3, màu đen và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Tr; 01 điện thoại di động OPPO A33W, màu trắng; số tiền 2.600.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc D; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lâm Thị H và số tiền 1.700.000 đồng của H.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường U chuyển giao hồ sơ cùng đồ vật, tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T để thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Thị Tr, Phạm Thị Hồng Th, Lâm Thị H, Nguyễn Ngọc D khai nhận như sau:

Nguyễn Thị Kiều T khai: T mang theo 350.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình chơi, do thua hết tiền nên T mượn 200.000 đồng của D để tiếp tục chơi. Khi bị bắt quả tang, T thua hết 350.000 đồng và bị thu giữ tại vị trí ngồi 200.000 đồng.

Nguyễn Thị Tr khai: Tr mang theo 800.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Tr thắng 500.000 đồng, bị thu giữ trên tay 1.300.000 đồng.

Phạm Thị Hồng Th khai: Th mang theo khoảng 4.000.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Th không thắng không thua, bị thu giữ tại vị trí ngồi 1.500.000 đồng, thu giữ trên người 2.430.000 đồng trong đó có 430.000 đồng là tiền sử dụng đánh bạc.

Lâm Thị H khai: H mang theo 900.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H thắng 800.000 đồng, bị thu giữ trên tay 1.700.000 đồng.

Nguyễn Ngọc D khai: Vào khoảng 13 giờ ngày 23/11/2020, khi đi làm về đến nhà trọ thấy T, Tr, Th, H đang chơi đánh bài tứ sắc thắng thua bằng tiền, D ngồi xem và có cho T mượn 200.000 đồng để sử dụng đánh bạc. Khi Tr, T, H, Th đang đánh bạc thì bị bắt quả tang. Thu giữ số tiền tang tại chiếu bạc là 3.200.000 đồng.

Xe mô tô biển số 36B7-800.06, số máy E3Y8E130354, số khung RLCSEC820KY130338 do Trương Văn Th1 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 23/11/2020, Th1 điều khiển xe này chở T đến nhà trọ của D chơi. Sau đó, T rủ bạn chơi bài tứ sắc thắng thua bằng tiền và bị công an bắt quả tang. Việc T chơi đánh bài không liên quan gì đến Th1. Ngày 29/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 trả lại xe mô tô 36B7-800.06 cho Th1.

Xe mô tô biển số 93C1-257.26, số máy JF86E2147672, số khung RLHJF5838KY083213 do Phạm Thị Hồng Th đứng tên chủ sở hữu. Ngày 05/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 08 trả lại xe này cho Th.

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Thị Tr, Phạm Thị Hồng Th, Lâm Thị H và Nguyễn Ngọc D xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc tại phòng trọ của Nguyễn Ngọc D vào ngày 23/11/2020 là 6.630.000 đồng.

Cáo trạng số 95/CT-VKSTU ngày 05/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Thị Tr, Lâm Thị H, Phạm Thị Hồng Th và Nguyễn Ngọc D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tr từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều T từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng;

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng Th từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

+ Xử phạt bị cáo Lâm Thị H từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 10 bộ bài tứ sắc;

+ Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 6.830.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO F9, màu đỏ và 01 điện thoại di động OPPO RENO 3, màu đen;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Kiều T chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kiều T; trả lại cho bị cáo Phạm Thị Hồng Th số tiền 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung A50, màu xanh và chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Hồng Th; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Tr chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Tr; trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc D điện thoại di động OPPO A33W, màu trắng; số tiền 2.600.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc D; trả lại cho bị cáo Lâm Thị H chứng minh nhân dân mang tên Lâm Thị H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trương Văn Thiện vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, lời khai của ông Thiện không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt ông Thiện. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Trương Văn Thiện không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: Ngày 23/11/2020, tại nhà trọ của Nguyễn Ngọc D thuộc khu phố 6, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Thị Tr, Phạm Thị Hồng Th, Lâm Thị H có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi bài tứ sắc, tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 6.630.000 đồng. Trong quá trình chơi, Nguyễn Ngọc D có hành vi cho Nguyễn Thị Kiều T mượn 200.000 đồng để sử dụng đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà vẫn bất chấp pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, đối với các bị cáo cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện.

[5] Về vai trò: Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm trong đó bị cáo T là người rủ rê, chuẩn bị công cụ phạm tội. Các bị cáo Tr, H, Th có vai trò là đồng phạm tích cực. Bị cáo D tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc với T, Tr, H, Th nhưng bị cáo biết hành vi đánh bạc của những bị cáo này là vi phạm pháp luật mà vẫn cho T mượn 200.000 đồng để chơi, do đó bị cáo cũng là đồng phạm trong vụ án. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc vai trò, tính nguy hiểm của từng bị cáo cho phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tr có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, H, Th và D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo T, H, Th và D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 10 bộ bài tứ sắc là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy;
- Đối với số tiền 6.830.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để chơi đánh bạc và điện thoại di động OPPO F9, màu đỏ; điện thoại di động OPPO RENO 3, màu đen là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, rủ rê chơi đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kiều T; chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Tr; chứng minh nhân dân mang tên Lâm Thị H; điện thoại di động Samsung A50 màu xanh, số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Th và chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Hồng Th; điện thoại di động OPPO A33W màu trắng, số tiền 2.600.000 đồng của bị cáo D và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc D không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo T, Tr, H và Th là phù hợp; đối với bị cáo D là cao, cần xử bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Thị Tr, Lâm Thị H, Phạm Thị Hồng Th và Nguyễn Ngọc D phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kiều T** 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tr** 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi

hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 03/12/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lâm Thị H** 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Thị Hồng Th** 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc D** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 10 bộ bài tứ sắc;
- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 6.830.000 đồng; điện thoại di động OPPO F9, màu đỏ và điện thoại di động OPPO RENO 3, màu đen;
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Kiều T chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kiều T;
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Tr chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Tr;
- Trả lại cho bị cáo Lâm Thị H chứng minh nhân dân mang tên Lâm Thị H;
- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Hồng Th số tiền 2.000.000 đồng; điện thoại di động Samsung A50, màu xanh và chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Hồng Th;
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc D điện thoại di động OPPO A33W, màu trắng; số tiền 2.600.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc D.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

3. *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Thị Tr, Lâm Thị H, Phạm Thị Hồng Th và Nguyễn Ngọc D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm